

Số: **0041**/NQ/MTB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày **19** tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí ngày 19 /4/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên 2022.

Kết quả kinh doanh năm 2021:

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | KH 2021 | TH 2021 | |
|-----|----------------------|---------|----------|---------|-------------|
| | | | | Giá trị | % so với KH |
| 1 | Tổng Doanh thu | Tỷ đồng | 1.005,22 | 935,73 | 93% |
| | Trong đó Công ty mẹ | Nt | 490,22 | 523,58 | 107% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Nt | 50,40 | 54,19 | 108% |
| | Trong đó Công ty mẹ | Nt | 50,67 | 51,74 | 102% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Nt | 50,04 | 54,09 | 108% |
| | Trong đó Công ty mẹ | Nt | 50,67 | 51,74 | 102% |

2. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên 2022.

3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021

- Báo cáo tài chính của Công ty mẹ năm 2021.
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021.

4. Kế hoạch kinh doanh năm 2022

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | KH 2022 |
|-----|--|---------|----------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 1.200,00 |
| | Trong đó: Công ty mẹ | Nt | 635,00 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Nt | 60,00 |
| | Trong đó: Công ty mẹ | Nt | 55,00 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Nt | 57,00 |
| | Trong đó: Công ty mẹ | Nt | 55,00 |
| 4 | Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa, Đầu tư mua sắm trang thiết bị | Nt | 10,94 |

Nhiệm vụ trọng tâm:

- Cung cấp vật tư cho các nhà máy điện, dự án, công trình dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, các đơn vị thành viên và các nhà máy điện khác.

- Triển khai định hướng phát triển thương mại, phân phối nội khối cho các dự án của Tập đoàn T&T và các đơn vị thành viên. Xây dựng hệ thống đại lý phân phối sản phẩm cho các hãng có uy tín trong lĩnh vực vật tư, thiết bị, đặc biệt là vật tư, thiết bị ngành điện như Siemens, Điện cơ Thống Nhất...tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư trực tiếp tại Việt Nam (FDI).

- Triển khai đẩy mạnh lĩnh vực thương mại dịch vụ, các ngành hàng là thế mạnh và phù hợp với năng lực của Công ty để tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận tối đa hóa hiệu quả kinh doanh.

- Mở rộng hợp tác đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, cụm công nghiệp, các dự án nhà máy xử lý rác thải và cung cấp nước sinh hoạt, dự án điện gió và năng lượng tái tạo... nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty.

- Phát triển lĩnh vực vận tải, logistics, vận tải đường sông, vận tải đường biển.

5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.

| STT | Nội dung | Số tiền (đồng) |
|-----|--|-----------------|
| I | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 386.386.000.000 |
| II | Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC đã kiểm toán năm 2021 của Công ty mẹ (=2.1 + 2.2) | 94.716.210.239 |
| 2.1 | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2020 | 42.972.590.444 |
| 2.2 | LNST chưa phân phối năm 2021 | 51.743.619.795 |
| III | Trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2021 | 31.547.020.000 |

| | | |
|-----|--|-----------------------|
| 3.1 | Quỹ khen thưởng | 500.000.000 |
| 3.2 | Quỹ phúc lợi | 2.500.000.000 |
| 3.3 | Quỹ thưởng Ban điều hành | 1.500.000.000 |
| 3.4 | Chi trả cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 7%) | 27.047.020.000 |
| IV | Lợi nhuận năm 2021 còn lại sau khi trích lập các quỹ và chi trả cổ tức (=2.2 - III) | 20.196.599.795 |
| V | Lợi nhuận lũy kế còn lại sau khi trích lập các quỹ và chi trả cổ tức (= II - III) | 63.169.190.239 |

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định lựa chọn thời gian và địa điểm trả cổ tức phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty và lợi ích của cổ đông.

6. Danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty:

- Lựa chọn Đơn vị kiểm toán trong danh sách nêu trên đáp ứng yêu cầu.
- Bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính.

7. Bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty

(Chi tiết nội dung theo bảng đính kèm)

8. Niêm yết cổ phiếu PVM trên Sở giao dịch chứng khoán

Kế hoạch niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí, với mã là PVM trên Sở giao dịch chứng khoán, như sau:

- Số lượng cổ phiếu niêm yết: toàn bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết.
- Địa điểm niêm yết: Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE)
- Thời gian niêm yết cổ phiếu: Năm 2022

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các nội dung công việc sau:

- Triển khai các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện việc niêm yết cổ phiếu của Công ty;
- Quyết định thay đổi và lựa chọn địa điểm niêm yết để phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện, tình hình thực tế tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết;

- Các nội dung công việc khác để đảm bảo thực hiện thành công việc niêm yết cổ phiếu của Công ty.

9. Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 và phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022

9.1. Quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát kiêm nhiệm năm 2021:

Cơ cấu thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát gồm: 05 (năm) Thành viên HĐQT, 03 (ba) Thành viên BKS;

- Thù lao đã chi của Hội đồng quản trị: 124.000.000 đồng.
- Thù lao đã chi của Ban kiểm soát: 72.000.000 đồng.

9.2. Kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022:

Mức chi thù lao kiêm nhiệm cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2022 là 2% lợi nhuận sau thuế và không thấp hơn 1,1 tỷ đồng.

Mức phân bổ cụ thể cho từng thành viên giao cho Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí giao cho Hội đồng quản trị công ty, Ban kiểm soát, Ban điều hành căn cứ vào các nội dung trên triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện.

Nơi nhận:

- Cổ đông PVMACHINO;
- TV HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Vũ Đức Tiến

**BỔ SUNG NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

(Kèm theo Nghị Quyết số: 0041/NQ/MTB - ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022)

1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh sau:

| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ghi chú |
|-----|--|----------|---------|
| 1 | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Giết mổ gia súc, gia cầm; chế biến và bảo quản thịt; chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt | 1010 | |
| 2 | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; chế biến và bảo quản thủy sản khô; chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản khác | 1020 | |
| 3 | Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; bán buôn thủy sản | 4632 | |
| 4 | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 2012 | |
| 5 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 2220 | |
| 6 | Sản xuất sắt, thép, gang | 2410 | |
| 7 | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu | 2420 | |
| 8 | Đúc kim loại màu | 2432 | |
| 9 | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) | 2513 | |
| 10 | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại | 2591 | |
| 11 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 2592 | |
| 12 | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng | 2593 | |
| 13 | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân công vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn | 2599 | |
| 14 | Sản xuất linh kiện điện tử | 2610 | |
| 15 | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính | 2620 | |
| 16 | Sản xuất thiết bị truyền thông | 2630 | |
| 17 | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng | 2640 | |
| 18 | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm định, định hướng và điều khiển | 2651 | |

| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ghi chú |
|-----|--|----------|---------|
| 19 | Sản xuất đồng hồ | 2652 | |
| 20 | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: Sản xuất mô tơ, máy phát; Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. | 2710 | |
| 21 | Sản xuất pin và ắc quy | 2720 | |
| 22 | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học | 2731 | |
| 23 | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại | 2733 | |
| 24 | Sản xuất thiết bị điện khác | 2790 | |
| 25 | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bat, ô tô, mô tô và xe máy) | 2811 | |
| 26 | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác | 2813 | |
| 27 | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và chuyển động | 2814 | |
| 28 | Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung | 2815 | |
| 29 | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp | 2816 | |
| 30 | Sản xuất máy móc, thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) | 2817 | |
| 31 | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén | 2818 | |
| 32 | Sản xuất máy thông dụng khác | 2819 | |
| 33 | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp | 2821 | |
| 34 | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại | 2822 | |
| 35 | Sản xuất máy luyện kim | 2823 | |
| 36 | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng | 2824 | |
| 37 | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá | 2825 | |
| 38 | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da | 2826 | |
| 39 | Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu | 2829 | |
| 40 | Sản xuất điện: Chi tiết: Thủy điện, nhiệt điện than; nhiệt điện khí; điện gió; điện mặt trời; điện khác (điện rác). | 3511 | |
| 41 | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 3600 | |
| 42 | Thoát nước và xử lý nước thải | 3700 | |

| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ghi chú |
|-----|--|----------|---------------------------|
| 43 | Thu gom rác thải không độc hại | 3811 | |
| 44 | Thu gom rác thải độc hại | 3812 | |
| 45 | Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại | 3821 | |
| 46 | Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại | 3822 | |
| 47 | Tái chế phế liệu | 3830 | |
| 48 | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo | 4293 | |
| 49 | Phá dỡ | 4311 | |
| 50 | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 | |
| 51 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng; lắp đặt, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống phòng cháy chữa cháy | 4329 | bổ sung chi tiết mã ngành |
| 52 | Hoàn thiện công trình xây dựng | 4330 | |
| 53 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông sản nguyên liệu; bán buôn cây giống | 4620 | |
| 54 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn xe máy điện, xe đạp điện, bán buôn pin và ác quy cho xe đạp điện; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn các đồ dùng khác cho gia đình. | 4649 | bổ sung chi tiết mã ngành |
| 55 | Kinh doanh, bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác | 4661 | |
| 56 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn thiết bị phòng cháy, chữa cháy phân bón, thuốc trừ sâu; sản phẩm nông hóa. | 4669 | bổ sung chi tiết mã ngành |
| 57 | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thiết bị phòng cháy, chữa cháy - Bán lẻ thùng đựng rác - Bán lẻ nông sản nguyên liệu | 4773 | |

| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ghi chú |
|-----|--|----------|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ cây giống - Bán lẻ phân bón, sản phẩm nông hóa. | | |
| 58 | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương | 5011 | |
| 59 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương | 5012 | |
| 60 | Vận tải hành khách đường thủy nội địa | 5021 | |
| 61 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa | 5022 | |
| 62 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy | 5222 | |
| 63 | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Hoạt động xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.</p> | 8299 | |
| 64 | <p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản. <p>(không bao gồm hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)</p> | 6820 | <p>Điều 60,62,68, 69,74,75 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014</p> |
| 65 | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh | 4721 | |
| 66 | <p>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 | |

Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 4, Điều lệ Công ty do bổ sung ngành nghề kinh doanh trên.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản trong Điều lệ Công ty

| STT | Nội dung Điều lệ hiện hành | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Lý do, căn cứ |
|-----|---|---|---|
| 1 | 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: | 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: | Điều 7 - Luật số 3/2022/QH15 ngày 11/1/2022 |
| 2 | <p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.</p> <p>Điểm a Khoản 6: Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>Điểm b Khoản 6: Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng</p> | <p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.</p> <p>Điểm a Khoản 6: Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>Điểm b Khoản 6: Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng ba lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến</p> | Khoản 2 Điều 167 Luật DN |

| | | | |
|---|--|---|---|
| | <p>12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;</p> | <p>giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;</p> | |
| 3 | <p>Điều 59. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 mục 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại Đại hội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> | <p>Điều 59. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 Mục 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày/04/2022 tại Đại hội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ này được lập thành 03 bản có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty.</p> <p>3....</p> <p>4....</p> <p>Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật</p> | <p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |